

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

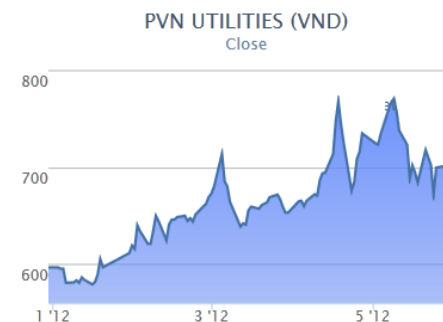
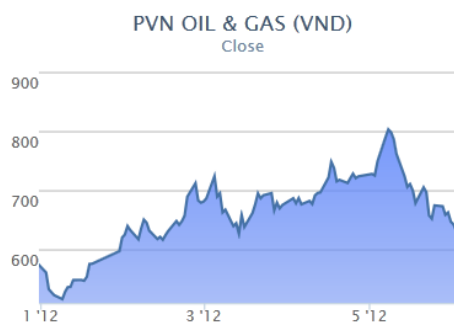


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	820.4	↑ 7.41	↑ 0.91
PVN All-Share Continuous	688.11	↑ 10.6	↑ 1.56
PVN All-Share	669.02	↑ 9.39	↑ 1.42
PVN Vật Liệu Cơ Bản	985.51	↑ 17.39	↑ 1.8
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	901.41	↑ 28.17	↑ 3.23
PVN Tài Chính	656.1	↑ 19.72	↑ 3.1
PVN All-Share HNX	620.36	↓ -1.35	↓ -0.22
PVN All-Share HSX	706.98	↑ 16.7	↑ 2.42
PVN Công Nghiệp	541.63	↑ 2.48	↑ 0.46
PVN Dầu Khí	613.21	↑ 0.56	↑ 0.09
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	698.88	↑ 21.34	↑ 3.15

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản

• PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng

• PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp

• PVN Dầu Khí

• PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	426.39 ↑	5.37	1.28%
KLGD (triệu ck)	91.52 ↓	-9.79	-9.66%
GTGD (tỷ đồng)	1,748.59 ↓	-280.89	-13.84%
Tổng cung (triệu ck)	76.84 ↓	-1.66	-2.12%
Tổng cầu (triệu ck)	100.68 ↓	-2.28	-2.21%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.43 ↓	-1.05	-42.32%
KL bán (triệu ck)	3.21 ↓	-3.81	-54.24%
Giá trị mua (tỷ đồng)	33.27 ↓	-36.84	-52.55%
Giá trị bán (tỷ đồng)	80.85 ↓	-100.76	-55.48%

Nhận định thị trường:

Cơ quan thống kê Liên minh châu Âu (Eurostat) cho biết, doanh số bán lẻ khu vực đồng tiền chung châu Âu (eurozone) giảm 2,5% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 4, nhiều hơn so với dự đoán giảm 1,1% do triển vọng tiêu cực nền kinh tế khu vực.

Theo báo cáo từ phía Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TPHCM, tổng dư nợ tín dụng trong 5 tháng đầu năm tại thành phố này đạt 762.200 tỉ đồng, trong đó tháng 5 tăng 0,4% so với tháng trước. Trong tổng số hơn 100.000 doanh nghiệp vừa và nhỏ của TP HCM, vốn vẹn 650 đơn vị đã tiếp cận được vốn ưu đãi của ngân hàng trong suốt tháng đầu tiên thực hiện trần lãi suất cho vay với một số lĩnh vực ưu tiên.

Trong lúc các tổ chức Nghiên cứu kinh tế uy tín thế giới dự báo về lạm phát Việt Nam năm 2012 chỉ quanh mốc 9%, tiến sĩ Nguyễn Đức Thành - Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) lại đưa ra con số khá sốc: 6,2%. Nhóm của ông cho rằng nó đang đi vào thời kỳ thiếu phát sâu, tức lạm phát ở mức rất thấp, thậm chí có khả năng âm nhẹ trong các tháng tới và đây không phải là một tín hiệu tốt.

Ngày 06/06, Standard & Poor's (S&P) nâng triển vọng xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam từ “tiêu cực” lên “ổn định”. Tổ chức này cũng giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm ngắn và dài hạn của Việt Nam lần lượt ở mức “B” và “BB”.

Thị trường tiếp tục tăng nối tiếp đà phục hồi từ phiên hôm qua nhưng thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn vẫn không có chuyển biến nào đáng kể. Trên sàn HSX có một số mã cổ phiếu xuất hiện tín hiệu kỹ thuật khá tích cực, tuy nhiên đây chỉ là số ít trên hơn 300 mã thuộc HSX. Về mặt kỹ thuật, VN-Index sẽ thử thách ngưỡng 430 điểm trong phiên tới, và áp lực bán có thể sẽ tăng mạnh hơn tại ngưỡng này. HNX-Index có 76 điểm là kháng cự mạnh, và nếu thanh khoản tiếp tục duy trì mức thấp như hiện tại thì HNX-Index sẽ khó có thể phục hồi mạnh.

Công Ty CPCK Dầu khí

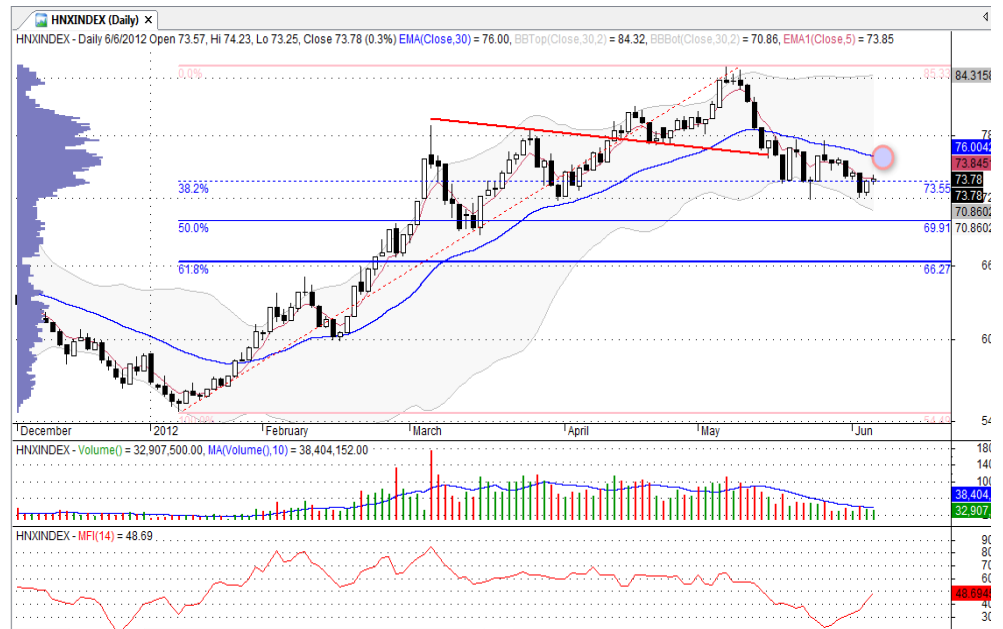
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

HNX:**Nhận định thị trường:****Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	73.78 ↑	0.20	0.27%
KLGD (triệu ck)	36.05 ↓	-1.43	-3.83%
GTGD (tỷ đồng)	349.43 ↓	-20.16	-5.45%
Tổng cung (triệu ck)	64.73 ↑	17.25	36.34%
Tổng cầu (triệu ck)	63.16 ↓	-4.59	-6.77%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.23 ↓	-0.04	-13.51%
KL bán (triệu ck)	0.59 ↓	-0.19	-24.36%
Giá trị mua (tỷ đồng)	3.73 ↓	-0.90	-19.42%
Giá trị bán (tỷ đồng)	8.09 ↓	-2.41	-22.94%



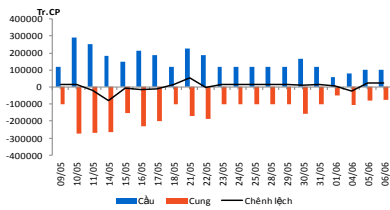
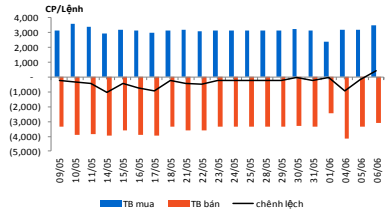
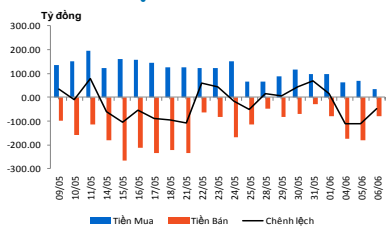
Đồ thị HNX-Index.

SỰ phục hồi trên HNX yếu hơn HSX, thanh khoản duy trì mức thấp và sức mua cũng kém hơn nhiều so với sàn Hồ Chí Minh. Trên thực tế, HNX_Index vẫn trong xu thế giảm ngắn hạn, tuy nhiên có một số điểm đáng lưu ý sau đây:

Đà giảm có chiều hướng chững lại, mặc dù sức cầu chưa tham gia thị trường nhưng áp lực bán ở vùng điểm này cũng giảm đáng kể khiến KLGD cạn kiệt. Nếu không có yếu tố tác động, trạng thái giao dịch này có thể kéo dài và HNX-Index dao động quanh vùng 70 – 73,5 điểm.

Sự phân kì trên công cụ MFI và đường giá cho thấy hiện tượng tích lũy đáy ngắn hạn. Sau một khoảng thời gian phân kì như vậy thường chỉ số có thể phục hồi mạnh nếu xuất hiện sức cầu tham gia, hoặc giảm mạnh hơn nếu thanh khoản duy trì mức thấp.

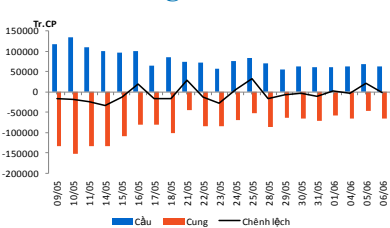
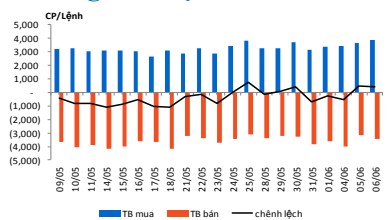
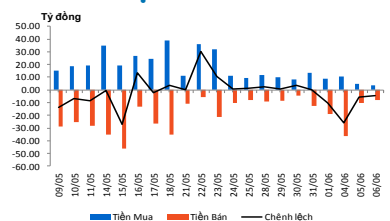
HNX-Index chưa có tín hiệu phục hồi. NĐT không nên tham gia bắt đáy hoặc giải ngân vào sàn HNX trong thời điểm hiện tại, và nên kiên nhẫn đợi diễn biến mới từ thị trường.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Đầu phiên, VN-Index nhích nhẹ 0.07 điểm trong phiên mở cửa, nhưng nhanh chóng đảo chiều giảm vào đầu đợt khớp lệnh liên tục do đà giảm của hơn 50 mã cổ phiếu, cộng với BVH, SSI cùng giảm nhẹ 100 đồng. Các bluechips khác hầu hết đều đứng yên.

Kết phiên giao dịch buổi sáng giao dịch hết sức uể oải, cổ phiếu tăng giá vẫn chiếm tỷ trọng lớn, nhưng thanh khoản lại giảm mạnh. Nếu loại trừ giao dịch thỏa thuận hơn gần 48 triệu đơn vị ở cả hai sàn, thì giao dịch khớp lệnh vốn vẹn chỉ hơn 42 triệu đơn vị, trị giá khoảng 500 tỷ đồng. Chỉ số ghi nhận 2.27 điểm, tương ứng 0.54% đạt 423.29 điểm.

Tính đến hết phiên, bị ảnh hưởng từ hai trụ cột MSN và VNM giảm giá khiến VN-Index đóng cửa với mức tăng cao nhất mà tạm thời thu hẹp biên độ còn 5.37 điểm (+1.27%) thấp hơn mức tăng của đợt khớp lệnh liên tục. Tuy vậy, chỉ số vẫn đóng cửa khá cao tại 426.57 điểm. Tổng cộng toàn sàn có gần 200 mã tăng giá, với 63 mã tăng kịch trần. Còn lại bao gồm 59 mã giảm và 53 mã đứng yên. Loại trừ gần 48.5 triệu đơn vị giao dịch thỏa thuận, tương ứng 1,186 tỷ đồng thì HOSE phiên này khớp lệnh chỉ khoảng 43 triệu đơn vị, tương ứng giá trị trên 561.48 tỷ đồng.

HNX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Lúc 9h15, HNX-Index giảm 0.13 điểm, tức 0.18% xuống 73.45 điểm. Giao dịch đạt khoảng 2.6 triệu đơn vị, tương đương 19.85 tỷ đồng. KSD, THV, HBS, SHN là những mã có lượng mua vào và bán ra nhiều nhất.

Sàn HNX ảm đạm trong suốt buổi sáng. HNX-Index bật xanh trong thời gian ít ỏi do thiếu sự hỗ trợ của các mã bluechips. Đến hết buổi sáng, các mã vẫn lình xình ở mức tham chiếu. Do đó, với 116 mã giảm giá làm cho HNX-Index mất 0.13 điểm, tương ứng 0.18% xuống 73.45 điểm. Giao dịch trị giá với 16.87 triệu đơn vị chuyển nhượng, tương đương 170 tỷ đồng.

Kết phiên, HNX-Index dù tăng nhưng chỉ nhích được 0.2 điểm, tức 0.27% đóng cửa tại 73.78 điểm. Giao dịch thấp hơn so với phiên trước, đạt 36 triệu đơn vị, tương đương 349 tỷ đồng. Chỉ có 13,740 giao dịch được thực hiện.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 19 cổ phiếu tăng giá, 5 cổ phiếu đứng giá và 4 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PCT (tăng 5,26%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PCG (giảm 3,77%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 1,38% và tổng khối lượng giao dịch đạt 8,666 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 06/06:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	5,100.0	630	↓ -3.77	0.45	13.78	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	4,000.0	500	↑ 5.26	0.39	36.36	HNX
3	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	5,500.0	239,300	→ 0.00	0.32	0.54	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	22,900.0	467,300	↑ 1.33	1.88	1.52	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	12,300.0	32,100	↓ -2.38	1.14	7.78	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,500.0	-	→ 0.00	0.50	3.04	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,300.0	209,900	→ 0.00	0.52	N/A	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	15,900.0	80,400	→ 0.00	0.95	2.38	HNX
9	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	11,700.0	20,400	↑ 0.86	2.05	5.34	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	12,200.0	485,900	↑ 2.52	0.78	8.78	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	18,500.0	65,100	↑ 0.54	0.79	9.34	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	6,500.0	251,000	→ 0.00	0.62	3.05	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	15,600.0	840,050	↑ 0.65	1.32	4.17	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	9,600.0	1,918,113	↓ -1.03	0.42	3.61	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	35,800.0	101,300	↑ 0.56	2.89	11.47	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	34,000.0	373,460	↑ 1.80	2.03	5.49	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	27,900.0	25,190	↑ 1.82	1.28	3.39	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	8,500.0	39,070	↓ -1.16	0.73	6.20	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,800.0	222,160	↑ 3.23	0.73	3.15	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	35,000.0	200	↑ 4.17	1.71	4.94	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	5,800.0	235,650	↑ 1.75	0.57	4.50	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	33,600.0	248,190	↑ 0.30	1.13	6.60	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	12,800.0	1,830,100	↑ 4.92	1.12	16.20	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,800.0	693,230	↑ 3.57	0.59	52.73	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	7,200.0	91,300	↑ 4.35	0.69	4.80	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6,900.0	7,590	↑ 2.99	0.62	3.59	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	11,300.0	88,120	↑ 1.80	0.85	3.39	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	6,700.0	100,400	↑ 4.69	0.61	4.41	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SSI	21,100	21,500	1.90	36,102,095
HAG	26,600	27,700	4.14	63,874,695
PVF	12,200	12,800	4.92	23,245,605
OGC	12,000	12,600	5.00	23,197,090
LCG	11,100	11,600	4.50	23,155,077

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SCR	14,500	14,600	0.69	39,195
VND	11,600	11,700	0.86	36,201
KLS	10,400	10,400	0.00	20,192
PVX	9,700	9,600	-1.03	18,650
SHS	8,100	7,900	-2.47	17,805

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
DRH	4,000	4,200	200	5.00
KSH	10,000	10,500	500	5.00
BBC	20,000	21,000	1,000	5.00
TCM	10,000	10,500	500	5.00

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
DST	4,400	4,700	300	6.82
NPS	10,300	11,000	700	6.80
SD5	17,700	18,900	1,200	6.78
ASA	14,900	15,900	1,000	6.71
AME	3,000	3,200	200	6.67

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
HOT	30,000	28,500	-1,500	-5.00
NBB	40,200	38,200	-2,000	-4.98
DHC	8,100	7,700	-400	-4.94
TAC	51,000	48,500	-2,500	-4.90
FDG	12,400	11,800	-600	-4.84

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
CAN	32,500	30,300	-2,200	-6.77
SDS	6,000	5,600	-400	-6.67
QTC	22,500	21,000	-1,500	-6.67
TET	15,100	14,100	-1,000	-6.62
SDN	13,700	12,800	-900	-6.57

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
KDC	3,228	HAG	22,389
FPT	3,224	SSI	10,373
SSI	2,862	VIC	6,962
HAG	2,652	PVD	5,764
PVD	2,642	EB	5,297

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	1,522	PVS	3,375
DBC	1,213	AAA	1,028
VNC	237	VNR	871
SD7	142	SDT	635
VCS	97	VC1	296

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339